

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVMTR ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ
HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KON BRAIH**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Kon Braih)

TT	Tên hộ	Vị trí khu rừng			Trạng thái	Diện tích (ha)	Nguồn gốc hình thành rừng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		TK	K	Lô					
TỔNG XÃ (I+II)						2.735,26			
I. HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN						2.601,86			
1	A Bềng	517	11	19	TXB	25,3	Rừng TN	Rừng SX	
2	A BLik	518	11	9	TXB	15,3	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	12	TXP	7,99	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	13	TXB	2,21	Rừng TN	Rừng SX	
3	A Boaih	518	7	10	TXP	7,09	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	14	TXB	16,05	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	15	TXP	0,97	Rừng TN	Rừng SX	
4	A Cao	517	11	24	TXP	3,28	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	27	TXB	16,56	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	28	TXP	2,5	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	30	TXN	2,31	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	31	TXP	0,85	Rừng TN	Rừng SX	
5	A Dar	518	11	2	TXP	0,38	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	3	TXB	7,23	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	4	TXP	2,01	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	7	TXB	19,88	Rừng TN	Rừng SX	
6	A Di	518	6	8	TXP	6,2	Rừng TN	Rừng SX	
		518	6	9	TXB	19,41	Rừng TN	Rừng SX	
		518	6	11	TXB	3,2	Rừng TN	Rừng SX	
		518	6	12	TXP	1,19	Rừng TN	Rừng SX	
7	A Đét	518	10	7	TXB	5,75	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	8	TXP	11,06	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	9	HG1	5,55	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	12	HG1	1,14	Rừng TN	Rừng SX	
8	A Đên	516	4	22	TXB	10,77	Rừng TN	Rừng SX	
		516	4	25	TXP	15,54	Rừng TN	Rừng SX	
9	A Đôn	518	11	5	TXP	14,59	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	6	TXP	4,23	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	10	TXB	11,18	Rừng TN	Rừng SX	
10	A Hế	513	5	7	TXB	0,33	Rừng TN	Rừng SX	
		513	5	11	TXP	10,33	Rừng TN	Rừng SX	
11	A Hiểu	518	10	3	TXP	1,15	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	4	TXB	8,38	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	5	TXP	13,77	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	6	HG1	0,7	Rừng TN	Rừng SX	
12	A Hùng	516	5	5	TXN	0,5	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	6	TXP	1,66	Rừng TN	Rừng SX	

		516	5	7	TXB	27,84	Rừng TN	Rừng SX	
13	A Hyê	518	12	4	TXB	18,1	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	6	TXP	4,28	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	11	HG1	0,62	Rừng TN	Rừng SX	
14	A Hyun	518	8	9	TXB	29,66	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	3	TXB	0,34	Rừng TN	Rừng SX	
15	A Kat	518	12	1	TXB	0,24	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	2	TXP	7,92	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	5	TXB	18,76	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	8	TXP	0,82	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	9	HG1	1,47	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	10	HG1	0,79	Rừng TN	Rừng SX	
16	A Kép	513	3	1	TXP	0,8	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	5	TXB	11,83	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	7	TXP	2,99	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	8	TXP	0,68	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	9	TXB	3,44	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	14	TXP	3,08	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	20	TXB	0,7	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	21	TXP	2,68	Rừng TN	Rừng SX	
17	A Kra	517	10	8	TXP	1,69	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	6	TXP	0,54	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	16	TXB	20,95	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	22	TXP	3,16	Rừng TN	Rừng SX	
18	A KRenh	517	11	23	TXB	19,4	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	26	TXP	5,1	Rừng TN	Rừng SX	
19	A KRum	518	9	10	TXB	24	Rừng TN	Rừng SX	
20	A Kruynh	513	4	1	TXP	6,82	Rừng TN	Rừng SX	
21	A Kheih	518	10	1	TXP	18,55	Rừng TN	Rừng SX	
		518	10	2	HG1	5,05	Rừng TN	Rừng SX	
22	A Lăk	513	7	5	TXP	8,42	Rừng TN	Rừng SX	
		513	7	8	TXB	11,47	Rừng TN	Rừng SX	
23	A Lit	518	4	14	TXP	5,71	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	27	TXB	15,99	Rừng TN	Rừng SX	
24	A Luh	513	2	2	TXB	7,1	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	6	TXP	13	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	9	TXB	3,46	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	10	TXP	1,47	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	11	TXP	0,97	Rừng TN	Rừng SX	
25	A Luông	518	2	14	TXP	5,96	Rừng TN	Rừng SX	
26	A Nan	518	8	5	TXP	5,3	Rừng TN	Rừng SX	
		518	8	6	TXB	24,7	Rừng TN	Rừng SX	
27	A Ngang	516	5	2	TXP	17,06	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	3	TXB	6,17	Rừng TN	Rừng SX	

		516	5	4	TXP	1,87	Rừng TN	Rừng SX	
28	A Ngien	518	8	7	TXB	23,8	Rừng TN	Rừng SX	
		518	8	8	TXP	4,16	Rừng TN	Rừng SX	
29	A Ôn	518	4	23	TXP	1,64	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	24	TXP	2,69	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	25	TXP	0,56	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	28	TXB	17,3	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	29	HG1	2,65	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	33	TXP	1,04	Rừng TN	Rừng SX	
30	A ốt	518	9	1	HG1	2,57	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	2	TXP	1,68	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	4	TXB	18,44	Rừng TN	Rừng SX	
31	A Pak	518	11	1	TXP	0,71	Rừng TN	Rừng SX	
		518	11	8	TXB	25,79	Rừng TN	Rừng SX	
32	A Par	516	5	8	TXB	9,74	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	9	TXP	12,04	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	10	TXB	2,22	Rừng TN	Rừng SX	
33	A Pông	517	7	14	TXP	0,68	Rừng TN	Rừng SX	
		518	3	2	HG	0,28	Rừng TN	Rừng SX	
		518	3	4	TXB	14,36	Rừng TN	Rừng SX	
		518	3	21	TXB	0,3	Rừng TN	Rừng SX	
34	A Phaih	518	7	18	TXP	8,69	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	19	TXB	19,31	Rừng TN	Rừng SX	
35	A Phân	516	3	31	TXP	1,07	Rừng TN	Rừng SX	
		516	3	34	TXP	2,53	Rừng TN	Rừng SX	
		516	4	13	TXB	11,51	Rừng TN	Rừng SX	
36	A Phiên	518	8	2	TXP	2,67	Rừng TN	Rừng SX	
		518	8	3	TXB	23,44	Rừng TN	Rừng SX	
		518	8	4	HG1	1,89	Rừng TN	Rừng SX	
37	A Phương	518	13	4	TXP	1,93	Rừng TN	Rừng SX	
		518	13	6	TXB	21,35	Rừng TN	Rừng SX	
		518	13	8	TXP	1,66	Rừng TN	Rừng SX	
		518	13	9	HG1	3,39	Rừng TN	Rừng SX	
		518	13	12	TXP	1,67	Rừng TN	Rừng SX	
38	A Sonh	517	7	12	HG1	10,14	Rừng TN	Rừng SX	
		517	7	13	TXP	6,5	Rừng TN	Rừng SX	
39	A Tiếp	518	7	9	TXP	5,64	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	12	TXB	14,55	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	16	TXP	7,4	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	17	TXB	1,41	Rừng TN	Rừng SX	
40	A Túc	513	7	12	TXB	2,84	Rừng TN	Rừng SX	
		513	12	2	TXP	9,59	Rừng TN	Rừng SX	
41	A Thing	517	10	9	TXB	12,38	Rừng TN	Rừng SX	
		517	10	12	TXP	5,57	Rừng TN	Rừng SX	

		517	10	13	HG1	1,36	Rừng TN	Rừng SX	
		517	10	14	TXB	10,17	Rừng TN	Rừng SX	
		517	10	15	TXP	0,52	Rừng TN	Rừng SX	
42	A Thoi	518	12	7	TXP	4,48	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	13	TXP	5,12	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	14	TXB	18,59	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	15	HG1	0,77	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	16	TXP	1,04	Rừng TN	Rừng SX	
43	A Trềng	518	12	17	TXP	1,02	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	18	HG1	4,75	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	19	TXP	0,5	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	20	TXP	0,35	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	21	TXN	1,09	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	22	TXP	0,86	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	23	TXB	16,7	Rừng TN	Rừng SX	
		518	12	24	HG1	4,73	Rừng TN	Rừng SX	
44	A Vat	513	4	3	TXP	13,3	Rừng TN	Rừng SX	
		513	4	12	TXP	0,49	Rừng TN	Rừng SX	
45	A Xek	518	11	11	TXB	29,5	Rừng TN	Rừng SX	
46	A Xeo	516	5	11	TXP	0,29	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	12	TXP	2,67	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	13	TXB	19,4	Rừng TN	Rừng SX	
		516	5	14	TXP	3,63	Rừng TN	Rừng SX	
47	A Xoi	518	7	20	TXB	10,68	Rừng TN	Rừng SX	
		518	7	21	TXN	0,65	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	5	TXB	8,1	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	7	TXP	0,59	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	9	TXN	0,98	Rừng TN	Rừng SX	
48	A Yih	518	4	26	TXB	24,81	Rừng TN	Rừng SX	
		518	4	30	HG1	3,69	Rừng TN	Rừng SX	
49	D Râm	518	6	13	TXB	24,5	Rừng TN	Rừng SX	
50	H-Yao	518	9	3	TXP	0,95	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	6	TXB	18,87	Rừng TN	Rừng SX	
		518	9	8	TXP	3,68	Rừng TN	Rừng SX	
51	Li-Va	518	4	31	TXB	1,01	Rừng TN	Rừng SX	
		518	6	7	TXB	21,38	Rừng TN	Rừng SX	
		518	6	10	TXP	3,31	Rừng TN	Rừng SX	
52	U Diêm	513	2	4	TNK	1,22	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	5	TXP	4,07	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	7	TXP	2,9	Rừng TN	Rừng SX	
		513	2	8	TXB	15,54	Rừng TN	Rừng SX	
53	Y Đeoh	517	10	10	TXB	27,18	Rừng TN	Rừng SX	
		517	10	11	TXP	2,82	Rừng TN	Rừng SX	
54	Y Lêl	513	2	1	TXB	22,47	Rừng TN	Rừng SX	

		513	2	3	TNK	0,42	Rừng TN	Rừng SX	
55	Y Thoa	513	3	15	TXP	2,92	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	19	TXB	1,63	Rừng TN	Rừng SX	
		513	7	1	TXB	17,34	Rừng TN	Rừng SX	
		513	7	16	TXP	0,9	Rừng TN	Rừng SX	
		513	7	17	TXB	1,33	Rừng TN	Rừng SX	
56	A Biếp	548	1	8	TXP	6,73	Rừng TN	Rừng SX	
57	A BLock	545	4	28	TXP	9,55	Rừng TN	Rừng SX	
58	A Bong	548	2	3	TXP	1,92	Rừng TN	Rừng SX	
59	A Brăng	548	1	1	TXP	9,96	Rừng TN	Rừng SX	
60	A Cuong	548	2	1	TXP	3,13	Rừng TN	Rừng SX	
61	A Chin	554	8	2	TXP	9,15	Rừng TN	Rừng SX	
62	A Chin	554	6	9	TXP	7,83	Rừng TN	Rừng SX	
63	A Dưm	554	6	8	TXP	9,18	Rừng TN	Rừng SX	
64	A Dyoh	553	5	13	TXP	3,71	Rừng TN	Rừng SX	
		553	5	14	TXB	10,87	Rừng TN	Rừng SX	
65	A Đi	545	3	8	TXP	9,56	Rừng TN	Rừng SX	
66	A Đoa	553	2	3	TXP	1,33	Rừng TN	Rừng SX	
		553	2	4	TXB	20,39	Rừng TN	Rừng SX	
67	A Đôi	545	8	8	TXP	3,14	Rừng TN	Rừng SX	
68	A Đưm	554	6	3	TXP	9,69	Rừng TN	Rừng SX	
69	A Ek	545	6	13	TXB	1,58	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	17	TXP	4,4	Rừng TN	Rừng SX	
70	A Gãy	545	4	6	TXP	6,87	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	7	TNK	0,23	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	12	TNK	1,27	Rừng TN	Rừng SX	
71	A Gâng	545	4	3	TXB	8,66	Rừng TN	Rừng SX	
72	A HLaoH	554	6	12	TXP	9,91	Rừng TN	Rừng SX	
73	A Hlek	553	6	11	TXP	14,28	Rừng TN	Rừng SX	
		553	6	14	TXN	2,7	Rừng TN	Rừng SX	
74	A Hnhonh	553	2	8	TXB	23,75	Rừng TN	Rừng SX	
		553	2	9	TXN	0,25	Rừng TN	Rừng SX	
75	A Hót	553	7	3	TXP	24	Rừng TN	Rừng SX	
76	A Hoi	545	3	3	TXB	8,93	Rừng TN	Rừng SX	
77	A Hường	545	6	4	TXP	1	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	8	TXB	7,04	Rừng TN	Rừng SX	
78	A Hyin	553	8	7	TXP	2,88	Rừng TN	Rừng SX	
		553	9	5	TXN	1,53	Rừng TN	Rừng SX	
		553	9	4	TXP	7,19	Rừng TN	Rừng SX	
79	A HyƯn	554	6	5	TNK	1,2	Rừng TN	Rừng SX	
		554	6	6	TXP	7,27	Rừng TN	Rừng SX	
80	A jep	554	6	7	TXP	7,04	Rừng TN	Rừng SX	
81	A john	554	7	1	TXB	0,77	Rừng TN	Rừng SX	
		554	7	2	TXP	7,9	Rừng TN	Rừng SX	

82	A Kel	545	6	1	TXP	7,26	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	5	TNK	0,69	Rừng TN	Rừng SX	
83	A Kíp	545	6	9	TXP	5,51	Rừng TN	Rừng SX	
84	A Kurk	553	6	12	TXP	0,99	Rừng TN	Rừng SX	
		553	6	13	TXP	0,21	Rừng TN	Rừng SX	
		553	6	15	TXB	5,29	Rừng TN	Rừng SX	
		553	6	16	TXN	0,6	Rừng TN	Rừng SX	
		553	8	6	TXB	9,35	Rừng TN	Rừng SX	
85	A Khềng	553	4	11	TXB	18,79	Rừng TN	Rừng SX	
		553	4	14	TXP	1,03	Rừng TN	Rừng SX	
		553	4	15	TXN	3,11	Rừng TN	Rừng SX	
		553	4	16	TXP	1,16	Rừng TN	Rừng SX	
86	A Khiêm	545	6	3	TXP	2,64	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	7	TNK	1,75	Rừng TN	Rừng SX	
87	A Kinh	553	4	7	TXP	10,51	Rừng TN	Rừng SX	
		553	4	9	TXB	4,57	Rừng TN	Rừng SX	
88	A Khoeh	554	6	2	TXP	9,53	Rừng TN	Rừng SX	
89	A Khôi	553	5	24	TXB	13,2	Rừng TN	Rừng SX	
		553	6	8	TXB	10,17	Rừng TN	Rừng SX	
90	A Lar	548	1	6	TXP	4,49	Rừng TN	Rừng SX	
91	A Lấp	545	8	6	TXP	9,51	Rừng TN	Rừng SX	
92	A Lép	545	3	5	TXB	7,21	Rừng TN	Rừng SX	
93	A Lên	545	1	11	TXP	7,2	Rừng TN	Rừng SX	
94	A Lênh	545	6	2	TXP	6,43	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	6	TNK	0,3	Rừng TN	Rừng SX	
95	A Lín	545	4	16	TXB	0	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	18	TXP	4,73	Rừng TN	Rừng SX	
96	A Loan	545	4	8	TXP	0,51	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	14	TXB	6,71	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	15	TNK	0,25	Rừng TN	Rừng SX	
97	A Meo	545	4	11	TNK	0,32	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	17	TXB	8,35	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	19	TXP	0,34	Rừng TN	Rừng SX	
98	A MLeng	545	8	4	TXP	7,34	Rừng TN	Rừng SX	
99	A Môn	545	6	21	TXP	1,39	Rừng TN	Rừng SX	
100	A Nam	545	1	3	TXP	6,08	Rừng TN	Rừng SX	
101	A Ngát	548	1	10	TXP	1,72	Rừng TN	Rừng SX	
102	A Nhân	545	1	1	TXP	2,62	Rừng TN	Rừng SX	
		545	1	2	TXB	6,54	Rừng TN	Rừng SX	
103	A Nhí	545	3	12	TXP	4,28	Rừng TN	Rừng SX	
		545	3	13	TNK	2,56	Rừng TN	Rừng SX	
		545	3	14	TXP	0,39	Rừng TN	Rừng SX	
104	A Pang	545	4	31	TXP	8,2	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	33	TNK	1	Rừng TN	Rừng SX	

105	A Pố	548	1	4	TXP	7,61	Rừng TN	Rừng SX	
106	A Pùm	545	6	16	TXP	1,24	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	22	TXB	5,87	Rừng TN	Rừng SX	
107	A Pùm	545	4	1	TXB	9,76	Rừng TN	Rừng SX	
108	A PyĂn	554	6	1	TXP	8,42	Rừng TN	Rừng SX	
109	A Pha	545	4	2	TXB	8,93	Rừng TN	Rừng SX	
110	A Phêng	553	4	12	TXB	28,12	Rừng TN	Rừng SX	
		553	4	13	TXN	1,88	Rừng TN	Rừng SX	
111	A Phong	554	8	5	TXP	6,72	Rừng TN	Rừng SX	
112	A Phôn	545	2	3	TXP	3,25	Rừng TN	Rừng SX	
		545	2	4	TNK	1,02	Rừng TN	Rừng SX	
113	A Quang	545	8	5	TXP	9,62	Rừng TN	Rừng SX	
114	A Ríp	545	1	10	TXP	4,47	Rừng TN	Rừng SX	
115	A Rốp	545	8	7	TXP	9,96	Rừng TN	Rừng SX	
116	A Saih	545	9	5	TXP	2,16	Rừng TN	Rừng SX	
117	A Son	545	8	2	TXP	3,76	Rừng TN	Rừng SX	
118	A SREH	545	7	12	TXP	2,3	Rừng TN	Rừng SX	
119	A Suy	545	6	14	TXP	2,63	Rừng TN	Rừng SX	
120	A Suot	554	6	11	TXP	9,26	Rừng TN	Rừng SX	
121	A taih	554	8	1	TXP	8,97	Rừng TN	Rừng SX	
122	A Tan	545	4	32	TXB	8,75	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	34	TXP	1,09	Rừng TN	Rừng SX	
123	A Tanh	548	1	7	TXP	8,54	Rừng TN	Rừng SX	
124	A Tãnh	554	6	14	TXP	7,02	Rừng TN	Rừng SX	
125	A Tâm	554	8	18	TXP	8,39	Rừng TN	Rừng SX	
126	A Tân	548	1	2	TXP	6,67	Rừng TN	Rừng SX	
127	A Tem	545	3	2	TXB	8,09	Rừng TN	Rừng SX	
		545	3	6	TXP	0,89	Rừng TN	Rừng SX	
128	A Tim	548	1	5	TXP	9,98	Rừng TN	Rừng SX	
129	A Túch	553	8	4	TXP	2,84	Rừng TN	Rừng SX	
		553	8	8	TXB	5,28	Rừng TN	Rừng SX	
		553	8	9	TXP	0,91	Rừng TN	Rừng SX	
130	A Tung	545	4	4	TXB	3,65	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	5	TXP	2,62	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	9	TNK	1,01	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	10	TXP	0,94	Rừng TN	Rừng SX	
131	A Thuần	553	5	20	TXP	2,62	Rừng TN	Rừng SX	
		553	5	21	TXG	0,53	Rừng TN	Rừng SX	
		553	5	22	TXP	0,6	Rừng TN	Rừng SX	
		553	5	23	TXB	22,04	Rừng TN	Rừng SX	
		553	5	25	TXP	0,58	Rừng TN	Rừng SX	
132	A Thuk	545	4	20	TXP	6,3	Rừng TN	Rừng SX	
133	A Thuron	545	6	12	TXB	4,93	Rừng TN	Rừng SX	
		545	6	20	TXP	2,52	Rừng TN	Rừng SX	

134	A Thương	545	3	4	TXP	9,29	Rừng TN	Rừng SX	
135	A Vân	545	6	23	TXB	9,26	Rừng TN	Rừng SX	
136	A Ve	545	4	25	TXB	9,04	Rừng TN	Rừng SX	
137	A Wok	545	2	9	TXP	6,24	Rừng TN	Rừng SX	
138	A Xuih	554	6	10	TXN	0,35	Rừng TN	Rừng SX	
		554	6	13	TXP	7,95	Rừng TN	Rừng SX	
139	Chu Văn Khái	545	2	6	TXB	5,2	Rừng TN	Rừng SX	
		545	2	7	TXP	0,57	Rừng TN	Rừng SX	
140	Chu Văn Quân	545	3	1	TXP	8,83	Rừng TN	Rừng SX	
141	Đào Văn Khánh	554	4	8	TXP	8,25	Rừng TN	Rừng SX	
142	Đinh Văn Mạnh	554	1	9	TXP	8,42	Rừng TN	Rừng SX	
143	Đỗ Văn Dũng	554	2	10	TXP	9,53	Rừng TN	Rừng SX	
144	Guơng Văn Nhất	554	7	7	TXP	5,9	Rừng TN	Rừng SX	
145	Hà Văn Công	554	3	16	TXP	9,26	Rừng TN	Rừng SX	
146	Hà Văn Dũng	554	3	15	TXP	7,18	Rừng TN	Rừng SX	
147	Hà Văn Đệ	545	2	13	TXP	2,96	Rừng TN	Rừng SX	
		545	2	15	TNK	0,43	Rừng TN	Rừng SX	
148	Hà Văn Lũy	554	4	4	TXB	0,51	Rừng TN	Rừng SX	
		554	4	5	TXP	8,57	Rừng TN	Rừng SX	
149	Hoàng Văn Đăng	554	7	3	TXP	7,46	Rừng TN	Rừng SX	
150	Ngô Văn Sơn	554	2	8	TXP	9,75	Rừng TN	Rừng SX	
151	Nguyễn Đình Đức	554	5	13	TXB	8,7	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	16	TXP	1,29	Rừng TN	Rừng SX	
152	Nguyễn Hồng Thạch	554	3	6	TXB	0,65	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	8	TXP	8,72	Rừng TN	Rừng SX	
153	Nguyễn Kim Giang	554	2	6	TXB	0,23	Rừng TN	Rừng SX	
		554	2	7	TXP	8	Rừng TN	Rừng SX	
154	Nguyễn Khắc Dũng	554	7	8	TXP	2,85	Rừng TN	Rừng SX	
155	Nguyễn Ngọc Tuấn	554	1	4	TXB	7,03	Rừng TN	Rừng SX	
156	Nguyễn Phúc Võ	554	5	14	TXB	2,49	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	15	TXP	7,51	Rừng TN	Rừng SX	
157	Nguyễn Thái Học	554	2	11	TXP	9,31	Rừng TN	Rừng SX	
158	Nguyễn Thị Bình	554	7	4	TXP	7,86	Rừng TN	Rừng SX	
159	Nguyễn Trọng Đạt	554	5	20	TXN	2,17	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	21	TXP	7,79	Rừng TN	Rừng SX	
160	Nguyễn Văn Bình	554	2	9	TXP	9,76	Rừng TN	Rừng SX	
161	Nguyễn Văn Dậu	554	4	2	TXP	9,51	Rừng TN	Rừng SX	
162	Nguyễn Văn Dương	554	4	6	TXP	9,31	Rừng TN	Rừng SX	
163	Nguyễn Văn Hà	554	3	12	TXP	9	Rừng TN	Rừng SX	
164	Nguyễn Văn Long	554	1	10	TXP	6,77	Rừng TN	Rừng SX	
165	Nguyễn Văn San	554	2	5	TXP	7,51	Rừng TN	Rừng SX	
166	Nguyễn Văn Sáng	554	3	1	TXN	2,21	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	2	TXB	5,86	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	3	TXP	0,39	Rừng TN	Rừng SX	

167	Nguyễn Văn Sâm	554	2	2	TXP	2,04	Rừng TN	Rừng SX	
		554	2	3	TXB	7,58	Rừng TN	Rừng SX	
168	Nguyễn Văn Tuấn	554	3	13	TXB	4,35	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	14	TXP	5,35	Rừng TN	Rừng SX	
169	Nguyễn Văn Thanh	554	5	1	TXP	6,89	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	2	TXB	0,43	Rừng TN	Rừng SX	
170	Nguyễn Văn Thêm	554	2	12	TXP	5,18	Rừng TN	Rừng SX	
171	Nguyễn Văn Trọng	554	1	11	TXN	0,89	Rừng TN	Rừng SX	
		554	1	13	TXP	6,15	Rừng TN	Rừng SX	
172	Nguyễn Văn Xuân	554	3	10	TXB	7,98	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	11	TXP	1,51	Rừng TN	Rừng SX	
173	Phạm Công Nhuận	554	1	1	TXP	1,15	Rừng TN	Rừng SX	
		554	1	2	TXB	4,78	Rừng TN	Rừng SX	
		554	1	3	TXP	0,49	Rừng TN	Rừng SX	
174	Phạm Chí Linh	554	3	17	TXP	8,31	Rừng TN	Rừng SX	
175	Phạm Đức Hưng	554	5	17	TXN	0,28	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	18	TXP	9,12	Rừng TN	Rừng SX	
176	Phạm Quyết Chiến	554	1	12	TXP	5,71	Rừng TN	Rừng SX	
177	Phạm Thành Hiếu	554	7	10	TXP	4,55	Rừng TN	Rừng SX	
178	Phạm Thị Hải Hoàn	554	5	19	TXP	10	Rừng TN	Rừng SX	
179	Phạm Thị Tính	554	4	1	TXP	9,14	Rừng TN	Rừng SX	
180	Phạm Trọng Định	554	7	5	TXP	8,64	Rừng TN	Rừng SX	
181	Phạm Văn Hải	554	1	5	TXP	0,28	Rừng TN	Rừng SX	
		554	1	6	TXB	7,99	Rừng TN	Rừng SX	
182	Phạm Văn Tân	554	7	9	TXP	5,4	Rừng TN	Rừng SX	
183	Phạm Văn Trung	554	4	7	TXP	7,73	Rừng TN	Rừng SX	
184	Phan Thị Thái	554	3	4	TXB	4,46	Rừng TN	Rừng SX	
		554	3	5	TXP	2,57	Rừng TN	Rừng SX	
185	Phùng Văn Dũng	554	5	9	TXB	1,32	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	10	TXP	7,48	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	11	TNK	0,6	Rừng TN	Rừng SX	
186	Phùng Văn Sơn	546	1	14	TXP	3,73	Rừng TN	Rừng SX	
187	Tạ Thị Kim Hoa	554	5	3	TXP	1,23	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	4	TXB	7,37	Rừng TN	Rừng SX	
188	Trần Thị Hiên	554	1	7	TXB	6,22	Rừng TN	Rừng SX	
		554	1	8	TXP	3,77	Rừng TN	Rừng SX	
189	Trần Thị Hiếu Nghĩa	554	5	12	TXP	9,91	Rừng TN	Rừng SX	
190	Trần Thị Phương	554	5	7	TXP	4	Rừng TN	Rừng SX	
		554	5	8	TXB	5,94	Rừng TN	Rừng SX	
191	Trần Văn Bộ	554	4	3	TXP	7,63	Rừng TN	Rừng SX	
192	Trần Văn Minh	554	2	1	TXN	1	Rừng TN	Rừng SX	
		554	2	4	TXB	7,98	Rừng TN	Rừng SX	
193	Trần Văn Phương	554	3	13	TXP	4,27	Rừng TN	Rừng SX	
194	Trần Xuân Ngọc	554	5	5	TXB	6,43	Rừng TN	Rừng SX	

194	Trần Xuân Ngọc	554	5	6	TXP	2,54	Rừng TN	Rừng SX	
195	U Đoàn	545	3	7	TXB	7,06	Rừng TN	Rừng SX	
196	Văn Vương Vũ	554	7	6	TXP	4,24	Rừng TN	Rừng SX	
197	Vi Văn Hoan	545	7	14	TXP	4,73	Rừng TN	Rừng SX	
198	Vi Văn Phúc	545	9	8	TXP	1,49	Rừng TN	Rừng SX	
199	Y Bai	548	1	13	TXP	3,82	Rừng TN	Rừng SX	
200	Y Buông	545	8	1	TXP	1,45	Rừng TN	Rừng SX	
201	Y Glun	548	1	3	TXP	4,4	Rừng TN	Rừng SX	
202	Y Lor	545	2	12	TXP	4,78	Rừng TN	Rừng SX	
203	Y Pyinh	545	1	4	TXB	6,72	Rừng TN	Rừng SX	
		545	1	5	TXP	0,27	Rừng TN	Rừng SX	
		545	1	6	TXP	1,83	Rừng TN	Rừng SX	
204	Y Tuyên	554	6	4	TXP	6,91	Rừng TN	Rừng SX	
205	Y Ung	545	2	1	TXB	4,22	Rừng TN	Rừng SX	
		545	2	2	TNK	0,33	Rừng TN	Rừng SX	
		545	2	5	TXP	2,47	Rừng TN	Rừng SX	
II. CỘNG ĐỒNG						133,4			
1	Cộng đồng thôn 9	513	3	1	TXP	0,47	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	2	TXP	0,57	Rừng TN	Rừng SX	
		513	3	3	TXB	1,28	Rừng TN	Rừng SX	
		513	6	1	TXG	7,67	Rừng TN	Rừng SX	
		513	8	1	TXP	0,92	Rừng TN	Rừng SX	
		513	8	2	TXB	2,15	Rừng TN	Rừng SX	
		513	8	3	TXB	1,67	Rừng TN	Rừng SX	
		513	8	4	TXP	0,34	Rừng TN	Rừng SX	
		513	12	1	TXP	0,64	Rừng TN	Rừng SX	
		513	12	3	TXP	0,76	Rừng TN	Rừng SX	
		513	12	4	TXP	0,22	Rừng TN	Rừng SX	
		513	12	5	TXP	0,41	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	2	TXP	0,14	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	3	TXP	1,21	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	4	TXN	0,02	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	5	TXN	0,83	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	6	TXN	0,05	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	7	TXP	0,67	Rừng TN	Rừng SX	
		514	1	8	TXP	0,29	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	1	HG1	0,08	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	2	HG1	0,92	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	3	HG1	0,69	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	4	HG1	0,02	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	5	TXP	0,84	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	6	HG1	0,21	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	7	HG1	0,52	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	8	HG1	0,72	Rừng TN	Rừng SX	

2	Cộng đồng thôn 12	514	2	9	HG1	1,46	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	10	HG1	0,01	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	11	HG1	1,17	Rừng TN	Rừng SX	
		514	2	12	HG1	0,88	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	1	HG1	0,51	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	3	HG1	2,12	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	4	TXP	0,47	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	5	TXP	0,46	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	6	TXP	0,02	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	7	TXP	0,25	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	8	TXP	0,69	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	9	TXP	0,07	Rừng TN	Rừng SX	
		514	3	10	TXP	0,02	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	1	TNK	3,2	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	2	TNK	0,38	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	3	TNK	0,04	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	4	HG1	0,49	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	5	HG1	0,46	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	6	HG1	0,18	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	7	TNK	1,68	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	8	HG1	0,26	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	12	TNK	0,01	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	13	TNK	0,2	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	14	TXP	1,42	Rừng TN	Rừng SX	
		514	4	15	TXP	1,2	Rừng TN	Rừng SX	
3	Cộng đồng thôn Đak Jri	547	2	1	TXP	1,18	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	4	HG1	2,83	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	5	TXP	1,43	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	9	HG1	0,31	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	10	HG1	0,25	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	11	HG1	0,46	Rừng TN	Rừng SX	
		547	2	12	HG1	0,35	Rừng TN	Rừng SX	
4	Cộng đồng thôn Đak O Nglăng	517	9	1	TXP	0,36	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	1	TXP	2,68	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	2	TXP	0,33	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	4	TXP	0,53	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	5	TXP	1,49	Rừng TN	Rừng SX	
		517	11	6	TXB	3,96	Rừng TN	Rừng SX	
		553	2	1	TXB	11,68	Rừng TN	Rừng SX	
		553	7	1	TXB	0,33	Rừng TN	Rừng SX	
		553	7	2	TXP	3,8	Rừng TN	Rừng SX	
		553	7	4	TXB	5,71	Rừng TN	Rừng SX	
		553	7	5	TXB	0,22	Rừng TN	Rừng SX	
		553	7	6	TXP	34,9	Rừng TN	Rừng SX	

5	Cộng đồng thôn Đak Puih	555	1	1	TXP	0,45	Rừng TN	Rừng SX	
		555	1	3	TXP	1,64	Rừng TN	Rừng SX	
		555	1	5	TXP	0,85	Rừng TN	Rừng SX	
		555	2	1	TXP	0,63	Rừng TN	Rừng SX	
		555	2	3	TXP	0,88	Rừng TN	Rừng SX	
		555	2	5	TXP	0,24	Rừng TN	Rừng SX	
6	Cộng đồng thôn Kon Rơ Pen	545	4	1	HG1	0,83	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	2	HG1	0,84	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	3	TNK	1,9	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	4	TNK	3,03	Rừng TN	Rừng SX	
		545	4	5	TNK	0,67	Rừng TN	Rừng SX	
		546	1	2	TXB	4,02	Rừng TN	Rừng SX	
		546	1	3	TXP	0,32	Rừng TN	Rừng SX	
		546	1	4	TXB	0,02	Rừng TN	Rừng SX	
		546	3	1	HG2	0,44	Rừng TN	Rừng SX	
		546	3	2	HG2	0,4	Rừng TN	Rừng SX	
		546	3	3	HG2	0,42	Rừng TN	Rừng SX	
		546	3	6	TXK	0,91	Rừng TN	Rừng SX	
		546	3	14	TXP	0,15	Rừng TN	Rừng SX	